TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 6 - 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Điền

Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị A, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1978; địa chỉ: Đài Loan (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2018, tại Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn chị A và anh B chung sống với nhau khoảng 4 - 5 tháng tại nhà cha mẹ của chị A ở Bạc Liêu và tại khách sạn ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó anh B trở về Đài Loan. Từ cuối năm 2018 đến này, từ khi anh B về Đài Loan thì anh B không sang Việt Nam thăm chị A và cũng không làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Đài Loan. Chị A xác định quá trình

chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và do anh B không làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Đài Loan chung sống nên chị A và anh B không thể quan tâm chăm sóc cho nhau, mỗi người ở một nơi nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhận được "Đơn xin ly hôn vắng mặt" đề ngày 31/12/2019 của anh B (đã hợp pháp hóa lãnh sự) nội dung: Anh B yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu tiến hành hòa giải; về con chung, tài sản chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, điều 121, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh B có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) và đang cư trú tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã nhận được đơn yêu cầu vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử của anh B và và đơn xin xét xử vắng mặt của chị A. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B và chị A.

[3] Xét yêu cầu của chị A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2018 tại Ủy ban

nhân dân huyện H và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh B và chị A chung sống với nhau khoảng 4 - 5 tháng, đến cuối năm 2018 anh B về Đài Loan cho đến nay. Từ khi về Đài Loan anh B không làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Đài Loan chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", nhưng hôn nhân của chị A và anh B không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và hiện nay chị A và anh B mỗi người một nơi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, chị A yêu cầu ly hôn thì anh B cũng yêu cầu xét xử ly hôn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A và anh B.

[5] Trong quá trình chung sống, chị A và anh B xác định vợ chồng không con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị A phải chịu theo quy định của pháp luật. Lệ phí ủy thác tư pháp chị A không phải chịu do không phát sinh việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh Hsai Chih Lun xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị A phải chịu 300.000 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010230 ngày 02 tháng 12 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp chị A không phải chịu. Chị A đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010143 ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện H;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt